

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:19/2017/KDTM-PT
Ngày 17-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Chế

Các Thẩm phán :

Bà Vũ Thị Thu Hà

Ông Nguyễn Văn Dương

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lương Khánh Sơn - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2017/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 02 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án số 03/2016/KDTM-ST ngày 25/11/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 289/2017/QĐ - PT ngày 09 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng;

Địa chỉ: Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Việt Phương - Chuyên viên phòng xử lý nợ; có mặt

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần XD A.

Địa chỉ: Số 8 ngõ 76 đường Ngô Gia Tự, phường Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Mạnh Hùng - Giám đốc.

Trú tại: Số 42/280 Lê Lợi, Phường Lê Lợi, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Vân, sinh năm 1985. Chức vụ: Kế toán công ty; vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Hoàng, sinh năm 1954 (đã chết) và bà Phạm Thị Mùi, sinh năm 1955; anh Nguyễn Văn Hoài, sinh năm 1975 (đại diện ủy quyền cho ông Hoàng, bà Mùi); anh Nguyễn Hoài Giang, sinh năm 1980; chị Nguyễn Hoài Hương, sinh năm 1978.

Cùng trú tại: Số 343 Tô Hiệu, Phường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;

Bà Mùi, anh Hoài, anh Giang, chị Hương đều vắng mặt tại phiên tòa

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1951 và bà Trần D, sinh năm 1952. Trú tại: Số nhà 95 ngõ 5 tổ 1, Văn Quán, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Ông H và bà D đều vắng mặt tại phiên tòa

Người đại diện theo ủy quyền của ông H và bà D: Ông Bùi An, sinh năm 1975. Trú tại: Tổ 19, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; Có mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thúy Anh, sinh năm 1970 và ông Nguyễn Hữu Hùng, sinh năm 1970. Trú tại: Số 36B, tổ 79 Bạch Đằng, phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Bà Anh, ông Hùng đều vắng mặt tại phiên tòa

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Long, sinh năm 1976. Trú tại: Số 24 tổ 34, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. vắng mặt

3. Do có kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Trần D

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2013 và các văn bản khác trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng (sau đây gọi là Ngân hàng Techcombank) và Công ty Cổ phần XD A (sau đây gọi là Công ty Đức Phát) đã ký Hợp đồng tín dụng số 504/HDDHMTD/TCB-SGO ngày 05 tháng 03 năm 2012 về việc cung cấp hạn mức tín dụng. Theo đó, Ngân hàng Techcombank đồng ý cung cấp hạn mức tín dụng cho bên vay Công ty Đức Phát với số tiền là 50,000,000,000 VNĐ; Cấp hạn mức bảo lãnh với số tiền là 25,000,000,000 VNĐ với thời hạn cung cấp hạn mức tín dụng, hạn mức bảo lãnh là 12 tháng (từ 05/3/2012 đến ngày 05/3/2013). Thời hạn thanh toán tối đa cho các khoản vay trong hạn mức không vượt quá 08 tháng, mức lãi xuất được tính theo từng lần giải ngân. Trên cơ sở đó, Ngân hàng Techcombank đã tiến hành giải ngân cho Công ty Đức Phát vay theo các khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ cụ thể như sau:

STT	KUNN	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Lãi xuất	Số tiền giải ngân	ĐVT
1	79655	06/03/2012	06/10/2012	8.2	198,050	USD
2	79838	06/04/2012	06/12/2012	8.2	110,500	USD
3	79891	14/04/2012	14/12/2012	8.2	199,750	EUR
4	80021	09/05/2012	09/01/2013	8.2	118,800	USD
5	80136	24/05/2012	24/11/2012	8.2	251,370,000	VNĐ
6	80157	04/06/2012	04/12/2012	8.2	251,370,000	VNĐ
7	80197	06/06/2012	06/12/2012	17.8	1,508,220,000	VNĐ
8	80332	06/07/2012	07/11/2012	17	2,010,960,000	VNĐ
9	80529	25/07/2012	25/11/2012	16	6,032,880,000	VNĐ
10	80586	13/08/2012	13/12/2012	16	2,010,960,000	VNĐ
11	80596	27/09/2012	27/5/2013	15	2,902,515,000	VNĐ

Như vậy, Ngân hàng Techcombank đã giải ngân cho công ty Đức Phát vay với tổng số tiền là:

1. Tiền ngoại tệ: 412,611 USD và 199,750 EUR;

2. Tiền Việt Nam: 12,957,315,000 VNĐ;

(Quy đổi theo tỷ giá tính đến ngày 19/8/2013 tại thời điểm ngân hàng khởi kiện nợ gốc là 27,335,045,390 VNĐ; nợ lãi là 2,711,208,242 VNĐ; Tổng nợ gốc và lãi là 29,929,006,450 VNĐ);

Để bảo đảm cho khoản vay nói trên, Công ty Đức Phát đã thực hiện việc thế chấp các tài sản là động sản và bất động sản như sau:

- Xe ô tô THACO loại Hyundai HB 120s (số khung: RNHB47SAKCC092734, số máy: D6CAC225456) theo hợp đồng thế chấp tài sản hàng hóa số 11082012-ĐP/HĐTC-DS/TCB và kèm phụ lục số 01 về việc thay đổi thế chấp là hàng hóa ngày 11/08/2012 có giá trị bảo đảm nợ vay là 2,394,000,000 VNĐ;

- Tài sản hình thành trong tương lai là 01 xe ô tô Mercedes Benz GL550 4 Matic; số khung: 4JGBF8GE9CA777987, sản xuất năm 2011 nhập khẩu từ Mỹ theo hợp đồng ngoại thương số 2802.2012/DUCPHAT ngày 28/02/2012, theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 79388/HĐTC-TSTL/TCB ngày 06/4/2012 có giá trị có giá trị bảo đảm nợ vay là 2,650,000,000 VNĐ;

- Quyền sử dụng đất, các tài sản gắn liền trên đất cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng thửa đất số 1276, tờ bản đồ số 04 tại thôn My Sơn, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo GCNQSDĐ số BG 298024, vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH 00381, do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 19/01/2012 mang tên chủ sử dụng ông Phạm Mạnh Hùng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1678/HĐTC-BDS/TCB-SGO ngày 20/5/2013 thể hiện Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho bên được bảo đảm với số tiền là 633,225,000 VNĐ; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất một cấp huyện Thủy Nguyên;

- Quyền sử dụng đất, các tài sản gắn liền trên đất cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng thửa đất số 663B, tờ bản đồ số 04 tại thôn My Sơn, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo GCNQSDĐ số BL 355396, vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH00496, do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/12/2012 mang tên chủ sử dụng bà Hoàng Thị Bích Nga theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2535/HĐTC-BDS/TCB-SGO ngày 17/7/2013 thể hiện Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho bên được bảo đảm với số tiền là 383,400,000 VNĐ; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất một cấp huyện Thủy Nguyên;

- Quyền sử dụng đất, các tài sản gắn liền trên đất cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng thửa đất số 470, tờ bản đồ số 05 tại Yên Văn, Đồng Hà, tỉnh Hà Tây (nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) theo GCNQSDĐ số A 945165, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01620QSD/HĐ, do UBND Đồng Hà, tỉnh Hà Tây cũ (nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) cấp ngày 01/7/1993 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn H và bà Trần D theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 973.2012/HĐTC-TCB ngày 17/7/2013 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội thể hiện Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho bên được bảo

đảm với số tiền là 14,112,000,000 VNĐ; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;

- Quyền sử dụng đất, các tài sản gắn liền trên đất cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng thửa đất số 45 tại địa chỉ số 115 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; tài sản gắn liền với đất là nhà ở mái bê tông; 03 tầng theo GCNQSDĐ số BD 668774, sổ vào sổ cấp GCN: CH00237 do UBND quận Thanh Xuân cấp ngày 01/02/2011 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Hữu Hùng và bà Trần Thúy Anh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 226.2012/HĐTC-TCB ngày 17/7/2013 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội thể hiện Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho bên được bảo đảm với số tiền là 5,290,200,000 VNĐ; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;

- Quyền sử dụng đất, các tài sản gắn liền trên đất cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số C17; BK228P Sông Lấp tại số nhà 434 Tô Hiệu, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; tài sản gắn liền với đất là nhà ở mái bê tông; 02 tầng theo GCNQSDĐ số 030205NONO, hồ sơ gốc số 2665 do UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 21/11/2000 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn Hoàng (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mùi theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 252/TC.2012 ngày 02/02/2013 tại Văn phòng Công chứng Đất Cảng, Hải Phòng thể hiện Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho bên được bảo đảm với số tiền là 2,231,600,000 VNĐ; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;

Trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, ngày 07 tháng 10 năm 2015, Tòa án nhân dân quận Hải An thành phố Hải Phòng nhận được Công văn số 7589/2015/TCB-XLN của Ngân hàng (là nguyên đơn) có nội dung Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty Đức Phát, trong đó cụ thể không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản bảo đảm và rút phần nghĩa vụ bảo đảm nợ gốc, lãi tương ứng với các khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ cụ thể như sau:

1. Không yêu cầu Tòa án xử lý đối với tài sản bảo đảm là:

- Xe ô tô THACO loại Huyndai HB 120s (số khung: RNHB47SAKCC092734, số máy: D6CAC225456) theo hợp đồng thế chấp tài sản hàng hóa số 11082012, phụ lục số 01 về việc thay đổi thế chấp là hàng hóa;

- Tài sản hình thành trong tương lai là 01 xe ô tô Mercedes Benz GL550 4 Matic (số khung: 4JGBF8GE9CA777987, sản xuất năm 2011 nhập khẩu từ Mỹ theo hợp đồng ngoại thương số 2802.2012/DUCPHAT ngày 28/02/2012, theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 79388);

- Quyền sử dụng đất, các tài sản gắn liền trên đất cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng thửa đất số 663B, tờ bản đồ số 04 tại thôn My Sơn, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo GCNQSDĐ số BL 355396, vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH00496, do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/12/2012 mang tên chủ sử dụng bà Hoàng Thị Bích Nga;

- Quyền sử dụng đất, các tài sản gắn liền trên đất cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng thửa đất số 1276, tờ bản đồ số 04 tại thôn My Sơn, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo GCNQSDĐ số BG 298024,

vào sổ cấp GCNQSDĐ số CH 00381, do UBND huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 19/01/2012 mang tên chủ sử dụng ông Phạm Mạnh Hùng

2. Rút nghĩa vụ bảo đảm tương ứng và toàn bộ nghĩa vụ gốc và lãi phát sinh của các khế ước đối với các động sản, bất động sản nêu trên cụ thể:

STT	KUNN	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Lãi xuất	Số tiền giải ngân	ĐVT
1	79838	06/04/2012	06/12/2012	8.2	110,500	USD
2	80136	24/05/2012	24/11/2012	8.2	251,370,000	VNĐ
3	80157	04/06/2012	04/12/2012	8.2	251,370,000	VNĐ
4	80586	13/08/2012	13/12/2012	16	2,010,960,000	VNĐ

Sau khi rút một phần yêu cầu khởi kiện và đã giải chấp khoản nợ gốc, lãi đối với các tài sản nêu trên. Tại phiên tòa hôm nay, quan điểm của Ngân hàng còn có yêu cầu khởi kiện tại Tòa án cụ thể là:

1. Buộc Công ty Đức Phát phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền dư nợ theo các khế ước và cam kết trả nợ còn lại là: 36,036,408, 860 VNĐ (*trong đó bao gồm: 21,782,638,500 VNĐ tiền nợ gốc và 14.253. 770.360 VNĐ nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn - tiền lãi tính đến ngày 25/11/2016 đã được quy đổi theo tỷ giá ngày 23/11/2016 là 1USD=22.550 VNĐ; 1EUR=23.536 VNĐ*). Công ty Đức Phát phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 504/HĐHMTD/TCB-SGO kể từ ngày 26/11/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc đã nêu.

- Rút yêu cầu Công ty Đức Phát phải trả cho Ngân hàng tiền phạt do vi phạm Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 504/HĐHMTD/TCB-SGO số tiền là 434,965,875 VNĐ.

- Rút yêu cầu Công ty Đức Phát thực hiện theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký, theo đó Công ty Đức Phát phải bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng về chi phí luật sư, chi phí đi lại, thông tin liên lạc, sao, chụp, công chứng, dịch thuật tài liệu, chuẩn bị tài liệu tố tụng, phí thi hành án, số tiền là 30.000.000 VNĐ.

2. Đề nghị Tòa án chấp thuận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ

2.1. Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm cho khoản nợ nêu trên của công ty Đức Phát để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng bao gồm:

- Quyền sử dụng đất, các tài sản gắn liền trên đất cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng thửa đất số 470, tờ bản đồ số 05 tại Yên Văn, Đồng Hà, tỉnh Hà Tây(nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) theo GCNQSDĐ số A 945165, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01620QSD/HĐ, do UBND Đồng Hà, tỉnh Hà Tây cũ (nay là quận Hà Đông , thành phố Hà Nội) cấp ngày 01/7/1993 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn H và bà Trần D theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 973.2012/HĐTC-TCB ngày 17/7/2013 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội thể hiện Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho bên được bảo đảm với số tiền là 14,112,000,000 VNĐ; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;

- Quyền sử dụng đất, các tài sản gắn liền trên đất cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng thửa đất số 45 tại địa chỉ số 115 Nguyễn Tuân, phường

Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; tài sản gắn liền với đất là nhà ở mái bê tông; 03 tầng theo GCNQSDĐ số BD 668774, sổ vào sổ cấp GCN: CH00237 do UBND quận Thanh Xuân cấp ngày 01/02/2011 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Hữu Hùng và bà Trần Thúy Anh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 226.2012/HĐTC-TCB ngày 17/7/2013 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội thể hiện Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho bên được bảo đảm với số tiền là 5,290,200,000 VNĐ; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;

- Quyền sử dụng đất, các tài sản gắn liền trên đất cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số C17; BK228P Sông Lấp tại số nhà 434 Tô Hiệu, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; tài sản gắn liền với đất là nhà ở mái bê tông; 02 tầng theo GCNQSDĐ số 030205NONO, hồ sơ gốc số 2665 do UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 21/11/2000 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn Hoàng (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mùi theo Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 252/TC.2012 ngày 02/02/2013 tại Văn phòng Công chứng Đất Cảng, thành phố Hải Phòng thể hiện Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho bên được bảo đảm với số tiền là 2,231,600,000 VNĐ; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;

2.2. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của công ty Đức Phát đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì công ty Đức Phát vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ gốc, lãi cho Ngân hàng.

Trong bản tự khai ngày 05 tháng 12 năm 2013 và các văn bản khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bị đơn Công ty Đức Phát xác nhận có ký Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 504/HĐHMTD/TCB-SGO ngày 05/3/2012 với Ngân hàng Techcombank. Bị đơn cũng thừa nhận hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 36,036,408,860 VNĐ (trong đó bao gồm: 21,782,638,500 VNĐ tiền nợ gốc và 14,253,770,360 VNĐ nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn - tiền lãi tính đến ngày 25/11/2016 đã được quy đổi theo tỷ giá ngày 23/11/2016 là 1USD=22,550 VNĐ; 1EUR=23,536 VNĐ).

Do tình trạng hiện nay, Công ty Đức Phát đang gặp khó khăn về tài chính nên không thể thanh toán ngay toàn bộ số tiền trên cho Ngân hàng Techcombank, tuy nhiên Công ty Đức Phát có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán thanh toán số tiền trên. Trong trường hợp Công ty Đức Phát không thể thanh toán được toàn bộ số tiền trên, đề nghị những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có tài sản bảo đảm sẽ có trách nhiệm cùng thanh toán nợ gốc, lãi cho Ngân hàng Techcombank theo các Hợp đồng bảo đảm mà họ đã ký kết.

Tại phiên tòa, quan điểm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận đúng nội dung đã trình bày trong các văn bản tại Tòa án và giữ nguyên quan điểm đã nêu.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H và bà Trần D trình bày ý kiến: Xác nhận hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm khoản nợ

vay cho Công ty Đức Phát là tự nguyện, đúng với thực tế, đúng chữ ký của ông H, bà D đã thể hiện trong hợp đồng. Tuy nhiên, đề nghị Công ty Đức Phát phải có trách nhiệm thanh toán các khoản vay cho Ngân hàng Techcombank theo quy định của pháp luật. Đồng thời, đề nghị Tòa án xử lý trước các tài sản bảo đảm của chính Công ty Đức Phát và các tài sản bảo đảm khác có đầy đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty Đức Phát và Ngân hàng Techcombank thiện chí hòa giải, gia đình ông Nguyễn Văn H và bà Trần D đồng ý thanh toán một phần nghĩa vụ bảo đảm cho việc trả nợ đối với Ngân hàng Techcombank với số tiền là 3,000,000,000 VNĐ và kèm điều kiện Ngân hàng Techcombank phải đảm bảo trách nhiệm tiến hành làm thủ tục giải chấp tài sản cho gia đình ông H và bà D. Trường hợp Công ty Đức Phát và Ngân hàng Techcombank không nhất trí với thỏa thuận trên, thì gia đình ông H và bà D sẽ không đồng ý phát mại tài sản để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm của mình và có quan điểm yêu cầu Tòa án hủy bỏ Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa Ngân hàng Techcombank và ông H, bà D.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Hoàng (đã chết), bà Nguyễn Thị Mùi cùng anh Nguyễn Văn Hoài, anh Nguyễn Hoài Giang, chị Nguyễn Hoài Hương (cùng trú tại: Số 343 Tô Hiệu, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền và thừa kế theo pháp luật đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ) vắng mặt tại Tòa án, nhưng có quan điểm thể hiện tại các biên bản tự khai, biên bản hòa giải thừa nhận có ký kết giao dịch bảo đảm thế chấp tài sản cho khoản vay của Công ty Đức Phát và đã được ngân hàng Techcombank giải ngân. Nay do Công ty Đức Phát vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngân hàng Techcombank khởi kiện đòi nợ. Quan điểm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị phía Công ty Đức Phát có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi cho ngân hàng và xử lý tài sản bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thúy Anh và ông Nguyễn Hữu Hùng (cùng trú tại: Số 36B, tổ 79 Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) vắng mặt, nhưng có quan điểm thể hiện tại các biên bản tự khai, biên bản hòa giải đều thừa nhận có ký kết giao dịch bảo đảm thế chấp tài sản thửa đất số 45, tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ số 115 Nguyễn Tuấn, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; tài sản gắn liền với đất là nhà ở mái bê tông; 03 tầng theo GCNQSDĐ số BĐ 668774, sổ vào sổ cấp GCN: CH00237 do UBND quận Thanh Xuân cấp ngày 01/02/2011 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Hữu Hùng và bà Trần Thúy Anh cho khoản vay của Công ty Đức Phát và được ngân hàng Techcombank giải ngân. Nay do Công ty Đức Phát vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngân hàng Techcombank khởi kiện đòi nợ. Quan điểm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị phía Công ty Đức Phát có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi cho ngân hàng và xử lý tài sản bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Long trình bày: Ông có mua diện tích đất tại thửa đất số 45, tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ số 115 Nguyễn Tuấn, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; tài sản gắn liền với đất là nhà ở mái bê tông; 03 tầng theo GCNQSDĐ số BĐ 668774, sổ vào sổ cấp GCN: CH00237 do UBND quận Thanh

Xuân cấp ngày 01/02/2011 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Hữu Hùng và bà Trần Thúy Anh với giá trị 10,500,000,000 VNĐ, việc mua bán ông Long thừa nhận chỉ được lập bằng văn bản Hợp đồng chuyển nhượng viết tay, không qua công chứng, thời điểm mua tài sản chưa được thế chấp tại Ngân hàng Kỹ thương. Vì vậy, ông Hoàng Long đề nghị ông Nguyễn Hữu Hùng và bà Trần Thúy Anh có trách nhiệm làm việc với Ngân hàng Kỹ thương để giải chấp giấy tờ chuyển sang tên cho ông. Đồng thời ông Hoàng Long cũng trình bày đã có đơn gửi các cơ quan liên quan để giải quyết vụ việc.

Tại Quyết định của bản án số 03/2016/KDTM-ST ngày 25/11/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng xử:

- Căn cứ các Điều 30, Điều 35, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 121, Điều 122, Điều 342, Điều 348, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Khoản 12 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTV-QH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn:

Buộc Công ty Cổ phần XD A có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền dư nợ theo các khế ước và cam kết trả nợ còn lại là: 36,036,408,860 VNĐ (trong đó bao gồm: 21,782,638,500 VNĐ tiền nợ gốc và 14.253.770.360 VNĐ nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn - tiền lãi tính đến ngày 25/11/2016 đã được quy đổi theo tỷ giá ngày 23/11/2016 là 1USD=22.550 VNĐ; 1EUR=23.536 VNĐ) theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 504/HĐHMTD/TCB-SGO ngày 05/3/2012 và các khế ước nhận nợ, kèm các cam kết trả nợ:

STT	KUNN	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Lãi xuất	Số tiền giải ngân	ĐVT
1	79655	06/03/2012	06/10/2012	8.2	198,050	USD
2	80021	09/05/2012	09/01/2013	8.2	118,800	USD
3	79891	14/04/2012	14/12/2012	8.2	199,750	EUR
4	80197	06/06/2012	06/12/2012	17.8	1,508,220,000	VNĐ
5	80332	06/07/2012	07/11/2012	17	2,010,960,000	VNĐ
6	80529	25/07/2012	25/11/2012	16	6,032,880,000	VNĐ
7	80596	27/09/2012	27/5/2013	Linh hoạt	2,902,515,000	VNĐ
Tổng nợ vay					316,850	USD
					199,750	EUR
					12.454.575.000	VNĐ

Công ty Đức Phát phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/11/2016.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ phần XD A không trả đủ các khoản gốc, lãi trên. Ngân hàng có quyền yêu cầu các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện trách nhiệm tương ứng với phân bảo đảm của mình và yêu cầu Chi cục thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản đã thế chấp, cụ thể là:

- Ông Nguyễn Văn H và bà Trần D đảm bảo cho Công ty Cổ phần XD A phần nghĩa vụ trả nợ gốc là 14,112,000,000 VNĐ, lãi xuất là 9,053,784,814 VNĐ, theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 17/7/2012 bằng quyền sử dụng đất, các tài sản cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng thửa đất số 470, tờ bản đồ số 05 tại Yên Văn, Đồng Hà, tỉnh Hà Tây(nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) theo GCNQSDĐ số A 945165, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01620QSD/HĐ, do UBND Đồng Hà, tỉnh Hà Tây cũ (nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) cấp ngày 01/7/1993 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn H và bà Trần D.

- Ông Nguyễn Hữu Hùng và bà Trần Thúy Anh đảm bảo cho Công ty Cổ phần XD A phần nghĩa vụ trả nợ gốc là 5,290,000,000 VNĐ, lãi xuất là 3,342,935,931 VNĐ, theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 15/02/2012 bằng quyền sử dụng đất, các tài sản cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng thửa đất số 45 tại địa chỉ số 115 Nguyễn Tuân, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; tài sản gắn liền với đất là nhà ở mái bê tông; 03 tầng theo GCNQSDĐ số BĐ 668774, sổ vào sổ cấp GCN: CH00237 do UBND quận Thanh Xuân cấp ngày 01/02/2011 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Hữu Hùng và bà Trần Thúy Anh.

- Ông Nguyễn Văn Hoàng (đã chết), người thừa kế nghĩa vụ là anh Nguyễn Văn Hoài, anh Nguyễn Hoài Giang, chị Nguyễn Hoài Hương (cùng trú tại: Số 343 Tô Hiệu, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng) và bà Nguyễn Thị Mùi đảm bảo cho Công ty Cổ phần XD A phần nghĩa vụ trả nợ gốc là 2,231,600,000 VNĐ, lãi xuất là 1,392,889,971 VNĐ, theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 02/02/2012 bằng quyền sử dụng đất, các tài sản cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số C17; BK228P Sông Lấp tại số nhà 434 Tô Hiệu, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; tài sản gắn liền với đất là nhà ở mái bê tông; 02 tầng theo GCNQSDĐ số 030205NONO, hồ sơ gốc số 2665 do UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 21/11/2000 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn Hoàng (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mùi.

Kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Cổ phần XD A không tự nguyện trả số tiền trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần XD A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền trên số tiền gốc chưa thi hành án theo mức lãi xuất được ghi trong hợp đồng tín dụng số 504/HĐHMTD/TCB-SGO ngày 05/3/2012 và các khế ước nhận nợ, kèm các cam kết trả nợ quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và phần án phí của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm Ông Nguyễn Văn H và bà Trần D kháng cáo 1 phần bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà D là ông Bùi An tại phiên tòa vẫn giữ nguyên nội dung trong đơn kháng cáo về việc thu thập chứng cứ và chứng minh của Tòa án sơ thẩm, về áp dụng pháp luật, về vi phạm tố tụng bao gồm việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về thành phần hội đồng xét

xử sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm số 03/2016/KDTM-ST ngày 25/11/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng giao hồ sơ về Tòa án sơ thẩm xét xử lại theo thẩm quyền

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Về việc thu thập chứng cứ và chứng minh của Tòa án cấp sơ thẩm: Người kháng cáo cho rằng thửa đất số 470, tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ Yên Văn, Đồng Hà, tỉnh Hà Tây(nay là quận Hà Đông, Hà Nội) là tài sản chung của tất cả các thành viên trong gia đình, và việc định đoạt tài sản chung này phải được sự đồng ý của tất cả các thành viên trong hộ gia đình. Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A945165, vào sổ cấp GCN QSDĐ số 01620QSDĐ/HĐ do UBND Đồng Hà, tỉnh Hà Tây(cũ) cấp ngày 01/7/1993 đã ghi rõ đây là quyền sử dụng đất của bà Trần D chứ không phải của hộ nhà bà Trần D. Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba ngày 07/7/2012 giữa Ngân hàng và ông H, bà D được xác lập đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, ý kiến kháng cáo này của ông H, bà D là không có căn cứ để chấp nhận.

Về việc áp dụng pháp luật của Tòa án cấp sơ thẩm: Điều 2.3 Hợp đồng thế chấp chấp tài sản của bên thứ ba ngày 07/7/2012 giữa Ngân hàng và ông H, bà D có quy định: “Các nghĩa vụ được bảo đảm bằng Tài sản thế chấp là nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, chi phí, phạt, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ khác... được ký kết giữa Bên Được Bảo Đảm với Techcombank: - Các Hợp đồng cấp tín dụng được ký kết trước, trong và sau ngày ký kết Hợp đồng này và các Phụ lục, văn bản, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung kèm theo;...”.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì: “Nghĩa vụ được bảo đảm là một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ dân sự, có thể là nghĩa vụ hiện tại, nghĩa vụ trong tương lai hoặc nghĩa vụ có điều kiện mà việc thực hiện nghĩa vụ đó được bảo đảm bằng một hoặc nhiều giao dịch bảo đảm.”. Các hợp đồng cấp tín dụng đã được ký kết trước đó nhưng Bên Được Bảo Đảm vẫn đang thực hiện nghĩa vụ thì vẫn được coi là nghĩa vụ hiện tại nên Hợp đồng tín dụng trên hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không có căn cứ để tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản ông H, bà D ký kết với Techcombank là vô hiệu, ý kiến kháng cáo này của người kháng cáo không có căn cứ để chấp nhận.

Về việc vi phạm thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm: Việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 13/7/2016, Tòa án nhân dân quận Hải An đã ra Thông báo số 01/TB-TA về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó nguyên đơn không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm đối với thửa đất số 470, tờ bản đồ số 05 tại địa chỉ Văn Quán, Văn Yên, thị xã Hà Đông, tỉnh Hà Tây. Tổng cộng nguyên đơn đã có 04 lần nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện và bổ sung yêu cầu khởi kiện (Công văn số 6113/2015/TCB-XLN ngày 11/8/2015; Công văn số 7589/2015/TCB-XLN ngày 07/10/2015; Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện lập ngày 09/6/2016; Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày

18/8/2016). Tuy nhiên, tại Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 18/8/2016 nguyên đơn đã bổ sung tài sản là QSDĐ tại thửa đất trên của ông H, bà D để thu hồi nợ. Vì vậy việc người kháng cáo cho rằng Thông báo số 01/TB-TA ngày 13/7/2016 của TAND quận Hải An đã vi phạm thủ tục tố tụng là không có căn cứ để chấp nhận.

Về thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm: Tại phiên tòa 26/10/2016, người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà D- ông Bùi An có yêu cầu thay đổi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa với lý do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã là người tiến hành tố tụng trong vụ án này với tư cách là thư ký. Tuy nhiên vụ án được xét xử lần đầu tiên, ông Đỗ Đức Hoàng là thư ký nhưng trong cùng một vụ án được thụ lý 19/2013/TLST-KDTM ngày 25/11/2013 chứ không phải một vụ án đã được xét xử lại nên người kháng cáo cho rằng thẩm phán đã vi phạm quy định tại khoản 4, Điều 53 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là không có căn cứ.

Ngoài ra, việc thay đổi Hội thẩm nhân dân đã được Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông báo với các đương sự và các đương sự không có ý kiến gì về việc này nên việc thay đổi Hội thẩm nhân dân không vi phạm thủ tục tố tụng.

Vì các lẽ trên, Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS 2015 đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2016/KDTM-ST ngày 25/11/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải An.

Trên đây là quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án KDTM phúc thẩm thụ lý số 02/2017/TLPT-KDTM ngày 16/2/2017; đề nghị hội đồng xét xử xem xét quyết định.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật và sự vắng mặt của đương sự: Vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về sự vắng mặt của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần XD A, ông Nguyễn Văn Hoàng (đã chết); bà Phạm Thị Mùi; anh Nguyễn Văn Hoài (đại diện ủy quyền cho ông Hoàng, bà Mùi); anh Nguyễn Hoài Giang; chị Nguyễn Hoài Hương. Bà Trần Thúy Anh và ông Nguyễn Hữu Hùng; Ông Hoàng Long đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đối với sự vắng mặt của ông Nguyễn Văn H và bà Trần D là người kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Nhưng tại phiên tòa hôm nay có người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi An.

Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sẽ không ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Trần D:

Về tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, các tài sản gắn liền trên đất cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng thửa đất số 470, tờ bản đồ số 05 tại Yên Văn, Đồng Hà, tỉnh Hà Tây(nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) theo GCNQSDĐ số A 945165, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01620QSD/HĐ, do UBND Đồng Hà, tỉnh Hà Tây cũ (nay là quận Hà Đông , thành phố Hà Nội) cấp ngày 01/7/1993 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn H và bà Trần D theo Hợp đồng

thế chấp tài sản số công chứng 973.2012/HĐTC-TCB ngày 17/7/2013 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long, thành phố Hà Nội thể hiện Ngân hàng đồng ý cấp tín dụng cho bên được bảo đảm với số tiền là 14,112,000,000 VNĐ; đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Hà Đông, thành phố Hà Nội để bảo đảm cho bên thứ ba là Công ty Đức Phát vay vốn ngân hàng, đều đảm bảo các điều khoản chi tiết về việc vay và cho vay, về việc mở hạn mức tín dụng, cung cấp hạn mức tín dụng, cung cấp hạn mức bảo đảm tín dụng và đúng quy định tại khoản 2.3 Điều 2 của các Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên “.....”. Mặt khác, tại thời điểm giao kết hợp đồng, thì các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên đều được thực hiện theo đúng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 130 Luật Đất đai năm 2003; tại điểm a mục 1 Điều 12 Nghị định 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ và tại tiểu mục 2.4 mục 2 Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13/6/2006.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm thì: *“Nghĩa vụ được bảo đảm là một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ dân sự, có thể là nghĩa vụ hiện tại, nghĩa vụ trong tương lai hoặc nghĩa vụ có điều kiện mà việc thực hiện nghĩa vụ đó được bảo đảm bằng một hoặc nhiều giao dịch bảo đảm.”*. Các hợp đồng cấp tín dụng đã được ký kết trước đó nhưng Bên Được Bảo Đảm vẫn đang thực hiện nghĩa vụ thì vẫn được coi là nghĩa vụ hiện tại nên Hợp đồng tín dụng trên hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không có căn cứ để tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản ông H, bà D ký kết với Techcombank là vô hiệu, ý kiến kháng cáo này của người kháng cáo không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với nội dung kháng cáo liên quan đến tố tụng của ông H, bà D trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm.

Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy quyền sử dụng thửa đất số 470, tờ bản đồ số 05 tại Yên Văn, Đồng Hà, tỉnh Hà Tây(nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) theo GCNQSDĐ số A 945165, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01620QSD/HĐ, do UBND Đồng Hà, tỉnh Hà Tây cũ (nay là quận Hà Đông , thành phố Hà Nội) cấp ngày 01/7/1993 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn H và bà Trần D do đó Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con của ông H và bà D tham gia tố tụng là hoàn toàn có căn cứ.

Đối với nội dung ông H, bà D nêu ngày 01/8/2016 Ngân hàng đã có đơn xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến quyền sử dụng đất thửa đất số 470, tờ bản đồ số 05 tại Yên Văn, Đồng Hà, tỉnh Hà Tây(nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) của ông H, bà D. Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy phía Ngân hàng đã có đơn xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với 1 số hợp đồng thế chấp khác nhưng không rút phần yêu cầu khởi kiện đối với tài sản thế chấp của ông H, bà D trong vụ án này. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông, bà tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

Về thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm có sự thay đổi người tiến hành tố tụng tại phiên tòa không như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy tại biên bản phiên tòa thể hiện Thẩm phán đã giải thích quyền, nghĩa vụ và giới thiệu Hội đồng xét xử có sự thay đổi nhưng các bên đương

sự không thay đổi ai do đó Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo đúng quy định pháp luật

Đối với người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà D về việc áp dụng tố tụng dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm về việc tạm ngừng phiên tòa và việc tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án cấp phúc thẩm nhận thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ áp dụng Điều luật tố tụng dân sự và phạm vi tranh tụng của Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

Từ phân tích trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và bà Trần D đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải An. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2016/KDTM-ST ngày 25/11/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng.

Đối với những phần của bản án sơ thẩm, quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H, bà Trần D phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, bà Trần D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm 03/2016/KDTM-ST ngày 25/11/2016 của Tòa án nhân dân quận Hải An, Hải Phòng.

Căn cứ các Điều 30, Điều 35, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ các Điều 121, Điều 122, Điều 342, Điều 348, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Khoản 12 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTV-QH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn:

Buộc Công ty Cổ phần XD A có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền dư nợ theo các khế ước và cam kết trả nợ còn lại là: 36,036,408,860 VNĐ (trong đó bao gồm: 21,782,638,500 VNĐ tiền nợ gốc và 14.253.770.360 VNĐ nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn - tiền lãi tính đến ngày 25/11/2016 đã được quy đổi theo tỷ giá ngày 23/11/2016 là 1USD=22.550 VNĐ; 1EUR=23.536 VNĐ) theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 504/HĐHMTD/TCB-SGO ngày 05/3/2012 và các khế ước nhận nợ, kèm các cam kết trả nợ:

STT	KUNN	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Lãi suất	Số tiền giải ngân	ĐVT
1	79655	06/03/2012	06/10/2012	8.2	198,050	USD
2	80021	09/05/2012	09/01/2013	8.2	118, 800	USD
3	79891	14/04/2012	14/12/2012	8.2	199,750	EUR
4	80197	06/06/2012	06/12/2012	17.8	1,508,220,000	VNĐ
5	80332	06/07/2012	07/11/2012	17	2,010, 960,000	VNĐ
6	80529	25/07/2012	25/11/2012	16	6,032, 880,000	VNĐ
7	80596	27/09/2012	27/5/2013	Linh hoạt	2, 902,515,000	VNĐ

Tổng nợ vay	316,850	USD
	199,750	EUR
	12.454.575.000	VNĐ

Công ty Đức Phát phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/11/2016.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ phần XD A không trả đủ các khoản gốc, lãi trên. Ngân hàng có quyền yêu cầu các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện trách nhiệm tương ứng với phần bảo đảm của mình và yêu cầu Chi cục thi hành án Dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản đã thế chấp, cụ thể là:

- Ông Nguyễn Văn H và bà Trần D đảm bảo cho Công ty Cổ phần XD A phần nghĩa vụ trả nợ gốc là 14,112,000,000 VNĐ, lãi là 9,053,784,814 VNĐ, theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 17/7/2012 bằng quyền sử dụng đất, các tài sản cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng thửa đất số 470, tờ bản đồ số 05 tại Yên Văn, Đồng Hà, tỉnh Hà Tây(nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) theo GCNQSDĐ số A 945165, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 01620QSD/HĐ, do UBND Đồng Hà, tỉnh Hà Tây cũ (nay là quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) cấp ngày 01/7/1993 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn H và bà Trần D.

- Ông Nguyễn Hữu Hùng và bà Trần Thúy Anh đảm bảo cho Công ty Cổ phần XD A phần nghĩa vụ trả nợ gốc là 5,290,000,000 VNĐ, lãi xuất là 3,342,935,931 VNĐ, theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 15/02/2012 bằng quyền sử dụng đất, các tài sản cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng thửa đất số 45 tại địa chỉ số 115 Nguyễn Tuấn, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; tài sản gắn liền với đất là nhà ở mái bê tông; 03 tầng theo GCNQSDĐ số BĐ 668774, số vào sổ cấp GCN: CH00237 do UBND quận Thanh Xuân cấp ngày 01/02/2011 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Hữu Hùng và bà Trần Thúy Anh.

- Ông Nguyễn Văn Hoàng (đã chết), người thừa kế nghĩa vụ là anh Nguyễn Văn Hoài, anh Nguyễn Hoài Giang, chị Nguyễn Hoài Hương (cùng trú tại: Số 343 Tô Hiệu, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng) và bà Nguyễn Thị Mùi đảm bảo cho Công ty Cổ phần XD A phần nghĩa vụ trả nợ gốc là 2,231,600,000 VNĐ, lãi xuất là 1,392,889,971 VNĐ, theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 02/02/2012 bằng quyền sử dụng đất, các tài sản cùng quyền và lợi ích phát sinh từ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số C17; BK228P Sông Lấp tại số nhà 434 Tô Hiệu, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; tài sản gắn liền với đất là nhà ở mái bê tông; 02 tầng theo GCNQSDĐ số 030205NONO, hồ sơ gốc số 2665 do UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 21/11/2000 mang tên chủ sử dụng ông Nguyễn Văn Hoàng (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mùi.

Kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Cổ phần XD A không tự nguyện trả số tiền trên thì hàng tháng Công ty Cổ phần XD A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền trên số tiền gốc chưa thi hành án theo mức lãi xuất được ghi trong hợp đồng tín dụng số 504/HĐHMTD/TCB-SGO ngày 05/3/2012 và các khế ước nhận nợ, kèm các cam kết trả nợ quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm:
Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.
- Trả lại Ngân hàng số tiền 70.000.000 VNĐ (Bảy mươi triệu) là tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu AA/2012 số 0004027 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Công ty Cổ phần XD A phải nộp 144,036,408,860 VNĐ tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn H và bà Trần D phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006277 ngày 29/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải An, Hải Phòng. Ông H, bà D đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà Nguyễn Văn Dương

Nguyễn Hữu Chế

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Đường sự;
- TAND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Chế

